

ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ THỦ ĐỨC
PHÒNG GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

Số: /GDĐT

Về kết quả thi chọn đội dự tuyển học sinh giỏi
lớp 9 (đợt 2) dự thi cấp Thành phố Hồ Chí Minh
năm học 2022-2023.

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do – Hạnh phúc

Thành phố Thủ Đức, ngày tháng năm 2022

Kính gửi: Hiệu trưởng các trường THCS (Công lập và Ngoài Công lập)

Căn cứ văn bản 1309/KH-GDĐT ngày 15 tháng 8 năm 2022 của phòng Giáo dục và Đào tạo về kế hoạch Bồi dưỡng học sinh giỏi năm học 2022-2023;

Căn cứ vào kết quả Kỳ thi chọn đội tuyển Học sinh giỏi lớp 9 dự thi cấp Thành phố Hồ Chí Minh năm học 2022-2023 (đợt 2), khóa ngày 12/11/2022, phòng Giáo dục và Đào tạo công bố kết quả chọn đội dự tuyển học sinh giỏi thành phố Thủ Đức dự thi cấp Thành phố Hồ Chí Minh năm học 2022-2023 các bộ môn Sinh học, Lịch sử, Địa lí, Công nghệ, Tin học, Giải toán trên Máy tính cầm tay (MTCT), Khoa học tự nhiên (KHTN). (*danh sách đính kèm*).

Nơi nhận:

- Như trên (*để thực hiện*);
- Các P.TP THCS (*để thực hiện*);
- Lưu: VT, Thái, Huyền, Tuyền, Minh (3).

TRƯỞNG PHÒNG

Nguyễn Thái Vĩnh Nguyên

ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ THỦ ĐỨC
PHÒNG GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DANH SÁCH

**Học sinh giỏi lớp 9 thành phố Thủ Đức dự thi cấp Thành phố Hồ Chí Minh,
bộ môn Sinh học, Lịch sử, Địa lí, Công nghệ, Tin học,
Giải toán trên Máy tính cầm tay (MTCT), Khoa học tự nhiên (KHTN)
năm học 2022-2023**

(Kèm theo văn bản số /GDDT ngày tháng năm 2022 của phòng Giáo dục và Đào tạo)

| STT | TT | MÔN THI | HỌ ĐỆM | TÊN | LỚP | TRƯỜNG THCS | GHI CHÚ |
|-----|----|----------|---------------------|-------|------|-----------------------|------------|
| 001 | 1 | Sinh học | Nguyễn Ngọc YẾN | Nhi | 9A8 | THCS Trần Quốc Toản | Chính thức |
| 002 | 2 | Sinh học | Nguyễn Phan Quang | Minh | 9A1 | THCS Trần Quốc Toản | Chính thức |
| 003 | 3 | Sinh học | Lưu Ngọc Bảo | Trần | 9A1 | THCS Ngô Chí Quốc | Chính thức |
| 004 | 4 | Sinh học | Nguyễn Cửu Vân | Anh | 9A3 | THCS Hoa Lư | Chính thức |
| 005 | 5 | Sinh học | Nguyễn Hồ Quỳnh | Anh | 9A3 | THCS Hoa Lư | Chính thức |
| 006 | 6 | Sinh học | Nguyễn Ngọc Bảo | Trúc | 9A1 | THCS Tăng Nhơn Phú B | Chính thức |
| 007 | 7 | Sinh học | Nguyễn Hoàng Thảo | Ân | 9A1 | THCS Đặng Tấn Tài | Chính thức |
| 008 | 8 | Sinh học | Châu Trần Bảo | Ngân | 9/3 | THCS Tăng Nhơn Phú B | Chính thức |
| 009 | 9 | Sinh học | Nguyễn Việt Duy | Khang | 9A1 | THCS Trần Quốc Toản | Chính thức |
| 010 | 10 | Sinh học | Nguyễn Thu | Trang | 9A3 | THCS Hoa Lư | Chính thức |
| 011 | 11 | Sinh học | Nguyễn Huỳnh Phương | Vy | 9/3 | THCS Hoa Lư | Chính thức |
| 012 | 12 | Sinh học | Lê Thị Hồng | Ngọc | 9/3 | THCS Tăng Nhơn Phú B | Chính thức |
| 013 | 13 | Sinh học | Trịnh Thị Thùy | Trâm | 9A1 | THCS Tân Phú | Chính thức |
| 014 | 14 | Sinh học | Phạm Ngọc Mỹ | Phước | 9.1 | THCS Bình An | Chính thức |
| 015 | 15 | Sinh học | Hoàng Ngọc Bảo | Trần | 9A1 | THCS Ngô Chí Quốc | Chính thức |
| 016 | 16 | Sinh học | Đào Thị Diệu | My | 9.2 | THCS Bình An | Chính thức |
| 017 | 17 | Sinh học | Trần Nguyễn Gia | Bảo | 9A1 | THCS Ngô Chí Quốc | Chính thức |
| 018 | 18 | Sinh học | Ngô Gia | Huy | 9/9 | THCS Trần Quốc Toản 1 | Chính thức |
| 019 | 19 | Sinh học | Trần Thái Tuệ | Anh | 9/6 | THCS Trần Quốc Toản 1 | Chính thức |
| 020 | 20 | Sinh học | Lương Trần Bảo | Khánh | 9A1 | THCS Tân Phú | Chính thức |
| 021 | 21 | Sinh học | Đỗ Hương | Quỳnh | 9A14 | THCS Ngô Chí Quốc | Chính thức |
| 022 | 22 | Sinh học | Phan Ngọc Thanh | Hiếu | 9.1 | THCS Bình An | Chính thức |
| 023 | 23 | Sinh học | Nguyễn Thị Thu | Ngân | 9/3 | THCS Trần Quốc Toản 1 | Chính thức |
| 024 | 24 | Sinh học | Lục Bảo | Linh | 9/3 | THCS Hoa Lư | Chính thức |
| 025 | 25 | Sinh học | Đỗ Thị Thùy | Quyên | 9/3 | THCS Tăng Nhơn Phú B | Chính thức |
| 026 | 26 | Sinh học | Đỗ Phạm Quỳnh | Anh | 9A3 | THCS Hoa Lư | Chính thức |
| 027 | 27 | Sinh học | Lê Hoàng Bảo | Châu | 9/2 | THCS Phước Bình | Chính thức |
| 028 | 28 | Sinh học | Bùi Trúc | Nhi | 9TC | THCS Trường Thạnh | Chính thức |
| 029 | 29 | Sinh học | Dương Nguyễn Hoàng | YẾN | 9A1 | THCS Trần Quốc Toản | Chính thức |
| 030 | 30 | Sinh học | Trần Ngọc Anh | Thư | 9A1 | THCS Tân Phú | Chính thức |
| 031 | 31 | Sinh học | Nguyễn Hoàng Thiên | Du | 9A1 | THCS Trần Quốc Toản | Dự bị |
| 032 | 32 | Sinh học | Trần Khánh | Vân | 9A1 | THCS Tân Phú | Dự bị |

| STT | TT | MÔN THI | HỌ ĐỆM | TÊN | LỚP | TRƯỜNG THCS | GHI CHÚ |
|-----|----|----------|--------------------|--------|------|-----------------------|------------|
| 033 | 33 | Sinh học | Vũ Tuyết | Chinh | 9A1 | THCS Long Phước | Dự bị |
| 034 | 34 | Sinh học | Nguyễn Phạm Mai | Phương | 9A1 | THCS Tăng Nhơn Phú B | Dự bị |
| 035 | 35 | Sinh học | Trần Thanh Khánh | Quỳnh | 9A1 | THCS Hoa Lư | Dự bị |
| 036 | 36 | Sinh học | Trần Ngọc | Dân | 9.1 | THCS Tam Bình | Dự bị |
| 037 | 37 | Sinh học | Nguyễn Ngọc Trúc | Quỳnh | 9A14 | THCS Ngô Chí Quốc | Dự bị |
| 038 | 38 | Sinh học | Khuất Nguyễn Nhã | Uyên | 9/2 | THCS Dương Văn Thi | Dự bị |
| 039 | 39 | Sinh học | Đặng Thị Thúy | Nhi | 9A2 | THCS Tăng Nhơn Phú B | Dự bị |
| 040 | 40 | Sinh học | Vũ Hiền | Anh | 9/1 | THCS Xuân Trường | Dự bị |
| 041 | 1 | Lịch sử | Trần Kim | Ngân | 9T2 | THCS Hoa Lư | Chính thức |
| 042 | 2 | Lịch sử | Đoàn Xuân | Huy | 9/7 | THCS Trần Quốc Toản 1 | Chính thức |
| 043 | 3 | Lịch sử | Đặng Nguyễn Khánh | Uyên | 9/3 | THCS Hoa Lư | Chính thức |
| 044 | 4 | Lịch sử | Phạm Ngọc Bảo | Thy | 9/3 | THCS Hoa Lư | Chính thức |
| 045 | 5 | Lịch sử | Lê Nguyễn Bảo | Trần | 9/7 | THCS Trần Quốc Toản 1 | Chính thức |
| 046 | 6 | Lịch sử | Hồ Thảo | Nguyên | 9/3 | THCS Tăng Nhơn Phú B | Chính thức |
| 047 | 7 | Lịch sử | Vũ Tiên | Dũng | 9A2 | THCS Tăng Nhơn Phú B | Chính thức |
| 048 | 8 | Lịch sử | Ngô Thị Yên | Nhi | 9A2 | THCS Tăng Nhơn Phú B | Chính thức |
| 049 | 9 | Lịch sử | Võ Lê Vi | An | 9A1 | THCS Ngô Chí Quốc | Chính thức |
| 050 | 10 | Lịch sử | Nguyễn Trần Ngọc | Khanh | 9.2 | THCS Tam Bình | Chính thức |
| 051 | 11 | Lịch sử | Trần Tú Nhã | Chi | 9/9 | THCS Trần Quốc Toản 1 | Chính thức |
| 052 | 12 | Lịch sử | Nguyễn Phước | Quang | 9T2 | THCS Hoa Lư | Chính thức |
| 053 | 13 | Lịch sử | Đỗ Huỳnh Thảo | Trâm | 9A2 | THCS Tăng Nhơn Phú B | Chính thức |
| 054 | 14 | Lịch sử | Võ Thị Ngọc | Mỹ | 9A1 | THCS Ngô Chí Quốc | Chính thức |
| 055 | 15 | Lịch sử | Nguyễn Trần Minh | Triết | 9A3 | THCS Hoa Lư | Chính thức |
| 056 | 16 | Lịch sử | Nguyễn Ngọc Hoàng | Mai | 9/8 | THCS Trần Quốc Toản 1 | Chính thức |
| 057 | 17 | Lịch sử | Đoàn Thuỳ | Ngân | 9/2 | THCS Trần Quốc Toản 1 | Chính thức |
| 058 | 18 | Lịch sử | Nguyễn Vũ Thiên | Ân | 9/9 | THCS Tăng Nhơn Phú B | Chính thức |
| 059 | 19 | Lịch sử | Trần Nguyễn Phương | Minh | 9A1 | THCS Trần Quốc Toản | Chính thức |
| 060 | 20 | Lịch sử | Nguyễn Đoàn Thái | Dương | 9A14 | THCS Ngô Chí Quốc | Chính thức |
| 061 | 21 | Lịch sử | Cao Phúc | Nguyên | 9A9 | THCS Trần Quốc Toản | Chính thức |
| 062 | 22 | Lịch sử | Lợi Gia | Khang | 9A2 | THCS Tăng Nhơn Phú B | Chính thức |
| 063 | 23 | Lịch sử | Đới Văn | Nam | 9A8 | THCS Trần Quốc Toản | Chính thức |
| 064 | 24 | Lịch sử | Võ Trương Vân | Anh | 9/3 | THCS Trần Quốc Toản 1 | Chính thức |
| 065 | 25 | Lịch sử | Phạm Đình | Bình | 9A2 | THCS Tăng Nhơn Phú B | Chính thức |
| 066 | 26 | Lịch sử | Trần Văn | Diệu | 9/6 | THCS Tăng Nhơn Phú B | Chính thức |
| 067 | 27 | Lịch sử | Nguyễn Thị | Duyên | 9A2 | THCS Hưng Bình | Chính thức |
| 068 | 28 | Lịch sử | Nguyễn Trường | Giang | 9A1 | THCS Trần Quốc Toản | Chính thức |
| 069 | 29 | Lịch sử | Lê Thị | Huyền | 9A1 | THCS An Phú | Chính thức |
| 070 | 30 | Lịch sử | Phan Lê Bảo | Trần | 9.3 | THCS Tam Bình | Chính thức |
| 071 | 31 | Lịch sử | Dương Minh | Khôi | 9/7 | THCS Trần Quốc Toản 1 | Dự bị |
| 072 | 32 | Lịch sử | Lý Hoàng | Hiếu | 9A1 | THCS Tân Phú | Dự bị |
| 073 | 33 | Lịch sử | Nguyễn Phan Kim | Ngân | 9/3 | THCS Trần Quốc Toản 1 | Dự bị |
| 074 | 34 | Lịch sử | Vũ Huy | Anh | 9A1 | THCS Trần Quốc Toản | Dự bị |

| STT | TT | MÔN THI | HỌ ĐỆM | TÊN | LỚP | TRƯỜNG THCS | GHI CHÚ |
|-----|----|---------|--------------------|--------|------|---------------------------|------------|
| 075 | 35 | Lịch sử | Lưu Thị Anh | Thư | 9A5 | THCS Trần Quốc Toản | Dự bị |
| 076 | 36 | Lịch sử | Nguyễn Hoàng Trúc | Vy | 9.5 | THCS Tam Bình | Dự bị |
| 077 | 37 | Lịch sử | Nguyễn Ngọc Bình | Nhân | 9/1 | THCS Trần Quốc Toản 1 | Dự bị |
| 078 | 38 | Lịch sử | Trần Thị Kim | Phượng | 9A11 | THCS Trần Quốc Toản | Dự bị |
| 079 | 39 | Lịch sử | Nguyễn Lê Anh | Thư | 9A1 | THCS Ngô Chí Quốc | Dự bị |
| 080 | 40 | Lịch sử | Hứa Nhã | My | 9A1 | THCS Nguyễn Văn Bá | Dự bị |
| 081 | 1 | Địa lý | Hoàng Lê Tường | Nhi | 9/3 | THCS Hoa Lư | Chính thức |
| 082 | 2 | Địa lý | Nguyễn Thy | Anh | 9/1 | THCS Nguyễn Văn Trỗi | Chính thức |
| 083 | 3 | Địa lý | Đỗ Tuệ | Lâm | 9A3 | THCS Hoa Lư | Chính thức |
| 084 | 4 | Địa lý | Trương Nguyễn Lan | Quỳnh | 9A3 | THCS Hoa Lư | Chính thức |
| 085 | 5 | Địa lý | Phạm Trần Hải | Anh | 9/2 | THCS Nguyễn Văn Trỗi | Chính thức |
| 086 | 6 | Địa lý | Nguyễn Thị Thảo | Nguyên | 9/6 | THCS Nguyễn Văn Trỗi | Chính thức |
| 087 | 7 | Địa lý | Trần Thị Minh | Châu | 9/3 | THCS Hoa Lư | Chính thức |
| 088 | 8 | Địa lý | Nguyễn Ngọc Thùy | Linh | 9/8 | THCS Phước Bình | Chính thức |
| 089 | 9 | Địa lý | Trì Quỳnh | Tiên | 9A2 | THCS An Phú | Chính thức |
| 090 | 10 | Địa lý | Lê Thị Thùy | Dương | 9A3 | THCS Hoa Lư | Chính thức |
| 091 | 11 | Địa lý | Đặng Nguyễn Công | Minh | 9/2 | THCS Hoa Lư | Chính thức |
| 092 | 12 | Địa lý | Trần Ngọc Thanh | Thảo | 9/3 | THCS Hoa Lư | Chính thức |
| 093 | 13 | Địa lý | Nguyễn Thị Trúc | Vy | 9/3 | THCS Tăng Nhơn Phú B | Chính thức |
| 094 | 14 | Địa lý | Nguyễn Hoàng Bảo | Hân | 9A3 | THCS Hoa Lư | Chính thức |
| 095 | 15 | Địa lý | Nguyễn Thị Hà | Phượng | 9A2 | THCS Tăng Nhơn Phú B | Chính thức |
| 096 | 16 | Địa lý | Phan Đình | Khang | 9/3 | THCS Hoa Lư | Chính thức |
| 097 | 17 | Địa lý | Nguyễn Thị Thùy | Trang | 9/1 | THCS Nguyễn Văn Trỗi | Chính thức |
| 098 | 18 | Địa lý | Nguyễn Ngọc Bảo | Hân | 9/8 | THCS Phước Bình | Chính thức |
| 099 | 19 | Địa lý | Vũ Thị Như | Quỳnh | 9/2 | THCS Linh Trung | Chính thức |
| 100 | 20 | Địa lý | Mai Hoàng Tuyết | Anh | 9A1 | THCS Tăng Nhơn Phú B | Chính thức |
| 101 | 21 | Địa lý | Vũ Ngọc Thư | Hương | 9A1 | THCS Trần Quốc Toản | Chính thức |
| 102 | 22 | Địa lý | Trịnh Thị Ngọc | Lan | 9A2 | THCS Tăng Nhơn Phú B | Chính thức |
| 103 | 23 | Địa lý | Lê Mai Minh | Phúc | 9.L4 | TH - THCS và THPT Việt Úc | Chính thức |
| 104 | 24 | Địa lý | Mai Thu Bảo | Ngọc | 9A1 | THCS Tăng Nhơn Phú B | Chính thức |
| 105 | 25 | Địa lý | Nguyễn Đại | Phú | 9/3 | THCS Hoa Lư | Chính thức |
| 106 | 26 | Địa lý | Trần Nhật | Nam | 9/3 | THCS Hoa Lư | Chính thức |
| 107 | 27 | Địa lý | Nguyễn Trần Đức | Trí | 9/3 | THCS Hoa Lư | Chính thức |
| 108 | 28 | Địa lý | Nguyễn Văn | Anh | 9/8 | THCS Phước Bình | Chính thức |
| 109 | 29 | Địa lý | Ngô Tú | Anh | 9A7 | THCS Bình Chiểu | Chính thức |
| 110 | 30 | Địa lý | Trần Thị Tuyết | Ngân | 9A3 | THCS Hoa Lư | Chính thức |
| 111 | 31 | Địa lý | Nguyễn Tuấn | Khang | 9/3 | THCS Hoa Lư | Dự bị |
| 112 | 32 | Địa lý | Nguyễn Đặng Nguyên | Phượng | 9A1 | THCS Long Phước | Dự bị |
| 113 | 33 | Địa lý | Nguyễn Xuân Hải | Dương | 9A8 | THCS Linh Đông | Dự bị |
| 114 | 34 | Địa lý | Nguyễn Thị Hoàng | Linh | 9A1 | THCS Ngô Chí Quốc | Dự bị |
| 115 | 35 | Địa lý | Lê Nguyễn Trúc | Vy | 9/2 | THCS Tam Bình | Dự bị |

| STT | TT | MÔN THI | HỌ ĐỆM | TÊN | LỚP | TRƯỜNG THCS | GHI CHÚ |
|-----|----|-----------|--------------------|--------|------|-----------------------|------------|
| 116 | 36 | Địa lý | Vũ Trần Minh | Ngọc | 9A5 | THCS Long Bình | Dự bị |
| 117 | 37 | Địa lý | Lê Thị Như | Ý | 9A2 | THCS Long Bình | Dự bị |
| 118 | 38 | Địa lý | Nguyễn Ngọc Minh | Châu | 9/4 | THCS Dương Văn Thi | Dự bị |
| 119 | 39 | Địa lý | Phan Nguyễn Gia | Hân | 9A6 | THCS Thái Văn Lung | Dự bị |
| 120 | 40 | Địa lý | Lê Đức | Lộc | 9/4 | THCS Lê Văn Việt | Dự bị |
| 121 | 1 | Công nghệ | Đặng Đức Như | Ngọc | 9A5 | THCS Nguyễn Thị Định | Chính thức |
| 122 | 2 | Công nghệ | Lê Việt | Hoàng | 9A1 | THCS Hưng Bình | Chính thức |
| 123 | 3 | Công nghệ | Lý Thành | Hưng | 9/1 | THCS Trần Quốc Toản 1 | Chính thức |
| 124 | 4 | Công nghệ | Phạm Hữu | Hiếu | 9/1 | THCS Trần Quốc Toản 1 | Chính thức |
| 125 | 5 | Công nghệ | Đàm Gia | Hưng | 9A1 | THCS Hưng Bình | Chính thức |
| 126 | 6 | Công nghệ | Lê Minh | Khôi | 9A1 | THCS Long Trường | Chính thức |
| 127 | 7 | Công nghệ | Vũ Hải | Đặng | 9A8 | THCS Bình Chiểu | Chính thức |
| 128 | 8 | Công nghệ | Dương Minh | Nam | 9A2 | THCS Thái Văn Lung | Chính thức |
| 129 | 9 | Công nghệ | Vũ Mai Tuyết | Ngân | 9/2 | THCS Phước Bình | Chính thức |
| 130 | 10 | Công nghệ | Nguyễn Hữu Minh | Khoa | 9/2 | THCS Phước Bình | Chính thức |
| 131 | 11 | Công nghệ | Lê Tuấn | Vũ | 9A9 | THCS Lê Quý Đôn | Chính thức |
| 132 | 12 | Công nghệ | Dương Giao | Linh | 9A12 | THCS Bình Chiểu | Chính thức |
| 133 | 13 | Công nghệ | Mã Trần Hồng | Phúc | 9A9 | THCS Lê Quý Đôn | Chính thức |
| 134 | 14 | Công nghệ | Nguyễn Bảo | Ngọc | 9A1 | THCS Long Trường | Chính thức |
| 135 | 15 | Công nghệ | Ngô Nguyễn Đoan | Trình | 9A1 | THCS Hưng Bình | Chính thức |
| 136 | 16 | Công nghệ | Nguyễn Hoàng Ngọc | Dung | 9A2 | THCS Tăng Nhơn Phú B | Dự bị |
| 137 | 17 | Công nghệ | Đặng Nhật | Quang | 9A11 | THCS Lê Quý Đôn | Dự bị |
| 138 | 18 | Công nghệ | Võ Chí | Minh | 9A3 | THCS Nguyễn Văn Bá | Dự bị |
| 139 | 19 | Công nghệ | Trần Hoàng | Quân | 9.9 | THCS Tam Bình | Dự bị |
| 140 | 20 | Công nghệ | Lê Anh | Kiệt | 9/6 | THCS Nguyễn Văn Trỗi | Dự bị |
| 141 | 1 | Tin học | Nguyễn Hải | Đặng | 9TH2 | THCS Lương Định Của | Chính thức |
| 142 | 2 | Tin học | Vòng Nguyễn Phương | Linh | 9A1 | THCS Trường Thạnh | Chính thức |
| 143 | 3 | Tin học | Trần Minh | Duy | 9A2 | THCS An Phú | Chính thức |
| 144 | 4 | Tin học | Lê Hồng | Châu | 9A4 | THCS Lương Định Của | Chính thức |
| 145 | 5 | Tin học | Đỗ Tiến | Minh | 9A9 | THCS Hiệp Bình | Chính thức |
| 146 | 6 | Tin học | Nguyễn Xuân | Ánh | 9A9 | THCS Trần Quốc Toản | Chính thức |
| 147 | 7 | Tin học | Nguyễn Duy | Nguyên | 9/5 | THCS Trần Quốc Toản 1 | Chính thức |
| 148 | 8 | Tin học | Đỗ Nguyễn Minh | An | 9A1 | THCS Tân Phú | Chính thức |
| 149 | 9 | Tin học | Phạm Bình | Nam | 9A2 | THCS Hoa Lư | Chính thức |
| 150 | 10 | Tin học | Đoàn Ngọc Bình | Minh | 9A1 | THCS Lê Quý Đôn | Chính thức |
| 151 | 11 | Tin học | Nguyễn Linh Sơn | Khang | 9A1 | THCS Trần Quốc Toản | Chính thức |
| 152 | 12 | Tin học | Nguyễn Thanh | Phúc | 9a1 | THCS Hiệp Phú | Chính thức |
| 153 | 13 | Tin học | Lê Nhật | Anh | 9A1 | THCS Đặng Tấn Tài | Chính thức |
| 154 | 14 | Tin học | Vương Quốc | Đạt | 9TC | THCS Trường Thạnh | Chính thức |
| 155 | 15 | Tin học | Trương Minh | Huy | 9TC | THCS Trường Thạnh | Chính thức |
| 156 | 16 | Tin học | Trần Đức | Khải | 9A11 | THCS Trần Quốc Toản | Chính thức |
| 157 | 17 | Tin học | Trần Ngọc Thanh | Tuyền | 9TC | THCS Trường Thạnh | Chính thức |

| STT | TT | MÔN THI | HỌ ĐỆM | TÊN | LỚP | TRƯỜNG THCS | GHI CHÚ |
|-----|----|---------|-------------------|--------|------|----------------------|----------------|
| 158 | 18 | Tin học | Trần Nguyễn Anh | Thoa | 9A4 | THCS Hoa Lư | Chính thức |
| 159 | 19 | Tin học | Trịnh Hoàng | An | 9a1 | THCS Hiệp Phú | Chính thức |
| 160 | 20 | Tin học | Trần Tiến | Phát | 9A1 | THCS Trần Quốc Toản | Chính thức |
| 161 | 21 | Tin học | Nguyễn Ngọc Trâm | Anh | 9TH2 | THCS Lương Định Của | Chính thức |
| 162 | 22 | Tin học | Nguyễn Trần Quốc | An | 9A1 | THCS Hưng Bình | Chính thức |
| 163 | 23 | Tin học | Nguyễn Ngọc Quỳnh | Hương | 9A1 | THCS Trường Thạnh | Chính thức |
| 164 | 24 | Tin học | Phạm Hoàng | Oanh | 9TC | THCS Trường Thạnh | Chính thức |
| 165 | 25 | Tin học | Nguyễn Thành | Long | 9/1 | THCS Linh Trung | Chính thức |
| 166 | 26 | Tin học | Nguyễn Công | Vinh | 9A6 | THCS Hiệp Bình | Chính thức |
| 167 | 27 | Tin học | Hoàng Thị Thu | Hiền | 9/2 | THCS Đặng Tấn Tài | Chính thức |
| 168 | 28 | Tin học | Đào Duy | Khang | 9A8 | THCS Trần Quốc Toản | Chính thức |
| 169 | 29 | Tin học | Nguyễn Quý | Nguyên | 9A1 | THCS Trần Quốc Toản | Chính thức |
| 170 | 30 | Tin học | Phạm Đăng | Quang | 9A4 | THCS Hoa Lư | Chính thức |
| 171 | 31 | Tin học | Đặng Minh | Phú | 9/3 | THCS Giồng Ông Tố | Dự bị |
| 172 | 32 | Tin học | Trần Nguyễn Tuấn | Anh | 9A1 | THCS Trường Thạnh | Dự bị |
| 173 | 33 | Tin học | Trần Bình Sỹ | Anh | 9A1 | THCS Long Phước | Dự bị |
| 174 | 34 | Tin học | Đỗ Huỳnh Phương | Vy | 9A1 | THCS Trần Quốc Toản | Dự bị |
| 175 | 35 | Tin học | Nguyễn Minh | Khang | 9A8 | THCS Trần Quốc Toản | Dự bị |
| 176 | 1 | KHTN | Nguyễn Minh | Hoàng | 9A1 | THCS Trần Quốc Toản | Chính thức (*) |
| 177 | 2 | KHTN | Bùi Thị Quỳnh | Như | 9A8 | THCS Trần Quốc Toản | Chính thức (*) |
| 178 | 3 | KHTN | Phạm Gia | Bảo | 9A8 | THCS Trần Quốc Toản | Chính thức (*) |
| 179 | 4 | KHTN | Đoàn Triệu | Khuê | 9A6 | THCS Tân Phú | Chính thức (*) |
| 180 | 5 | KHTN | Nguyễn Bùi Thảo | Nguyên | 9A1 | THCS Trần Quốc Toản | Chính thức (*) |
| 181 | 6 | KHTN | Lê Bảo | Ngân | 9A9 | THCS Trần Quốc Toản | Chính thức (*) |
| 182 | 7 | KHTN | Ngô Thị Hồng | Muội | 9A1 | THCS Trần Quốc Toản | Chính thức (*) |
| 183 | 8 | KHTN | Nguyễn Phan | Đạt | 9A6 | THCS Tân Phú | Chính thức (*) |
| 184 | 9 | KHTN | Lê Phạm Quốc | Việt | 9A1 | THCS Lê Quý Đôn | Chính thức (*) |
| 185 | 10 | KHTN | Đỗ Việt | Đăng | 9A8 | THCS Trần Quốc Toản | Chính thức (*) |
| 186 | 11 | KHTN | Hà Phạm Hương | Như | 9A3 | THCS Hoa Lư | Chính thức (*) |
| 187 | 12 | KHTN | Trần Thị Anh | Thư | 9A3 | THCS Hoa Lư | Chính thức (*) |
| 188 | 13 | KHTN | Nguyễn Vũ Bảo | Trân | 9A3 | THCS Hoa Lư | Chính thức (*) |
| 189 | 14 | KHTN | Nguyễn Duy | Dũng | 9/8 | THCS Dương Văn Thị | Chính thức (*) |
| 190 | 15 | KHTN | Hoàng Minh | Ngọc | 9/2 | THCS Phước Bình | Chính thức (*) |
| 191 | 16 | KHTN | Phan Lê Nguyên | Khoa | 95 | THCS Trương Văn Ngu | Chính thức (*) |
| 192 | 17 | KHTN | Hà Quỳnh | Anh | 9A1 | THCS Đặng Tấn Tài | Chính thức (*) |
| 193 | 18 | KHTN | Lưu Quốc | Anh | 9A2 | THCS Hoa Lư | Chính thức (*) |
| 194 | 19 | KHTN | Nguyễn Đăng Ngọc | Tiên | 9A14 | THCS Ngô Chí Quốc | Chính thức (*) |
| 195 | 20 | KHTN | Trần Quỳnh | Hợp | 9A8 | THCS Trần Quốc Toản | Chính thức (*) |
| 196 | 21 | KHTN | Nguyễn Hoàng | Việt | 9a5 | THCS Hiệp Phú | Chính thức (*) |
| 197 | 22 | KHTN | Trần Nhật Nam | Anh | 9A1 | THCS Ngô Chí Quốc | Chính thức (*) |
| 198 | 23 | KHTN | Ngô Khánh | Linh | 9A3 | THCS Hoa Lư | Chính thức (*) |
| 199 | 24 | KHTN | Ngô Thị Kiều | Oanh | 9/3 | THCS Tăng Nhơn Phú B | Chính thức (*) |

| STT | TT | MÔN THI | HỌ ĐỆM | TÊN | LỚP | TRƯỜNG THCS | GHI CHÚ |
|-----|----|---------|-------------------|-------|------|----------------------|----------------|
| 200 | 25 | KHTN | Nguyễn Hoàng | Linh | 9/4 | THCS Hoa Lư | Chính thức (*) |
| 201 | 26 | KHTN | Hứa Tiểu Họa | Mi | 9/7 | THCS Dương Văn Thi | Chính thức (*) |
| 202 | 27 | KHTN | Lý Thanh | Toàn | 9A1 | THCS Lê Quý Đôn | Chính thức (*) |
| 203 | 28 | KHTN | Lê Nguyễn Nhất | Long | 9a3 | THCS Hiệp Phú | Chính thức (*) |
| 204 | 29 | KHTN | Nguyễn Ngọc Hiền | Mai | 9/3 | THCS Tăng Nhơn Phú B | Chính thức (*) |
| 205 | 30 | KHTN | Nguyễn Lê Hoài | Việt | 9A9 | THCS Trần Quốc Toản | Chính thức (*) |
| 206 | 31 | KHTN | Phạm Minh | Trí | 9/4 | THCS Hoa Lư | Dự bị (*) |
| 207 | 32 | KHTN | Phan Hữu Minh | Đức | 9A9 | THCS Trần Quốc Toản | Dự bị (*) |
| 208 | 33 | KHTN | Nguyễn Cửu Đăng | Hoàng | 9/2 | THCS Phước Bình | Dự bị (*) |
| 209 | 34 | KHTN | Nguyễn Thị Phương | Thảo | 9A1 | THCS Tân Phú | Dự bị (*) |
| 210 | 35 | KHTN | Phan Hoàng | Mỹ | 9A1 | THCS Tân Phú | Dự bị (*) |
| 211 | 36 | KHTN | Đinh Thị Yến | Nhi | 9A1 | THCS Đặng Tấn Tài | Dự bị (*) |
| 212 | 37 | KHTN | Dương Minh | Lam | 9A12 | THCS Bình Chiểu | Dự bị (*) |
| 213 | 38 | KHTN | Trần Mai | An | 9A8 | THCS Trần Quốc Toản | Dự bị (*) |
| 214 | 39 | KHTN | Bùi Lê Hồng | Ngân | 9/3 | THCS Tăng Nhơn Phú B | Dự bị (*) |
| 215 | 40 | KHTN | Phạm Thùy | Trang | 9A10 | THCS Nguyễn Văn Bá | Dự bị (*) |
| 216 | 1 | MTCT | Trần Đại Thành | Danh | 9A1 | THCS Ngô Chí Quốc | Chính thức |
| 217 | 2 | MTCT | Nguyễn Xuân | Ánh | 9A9 | THCS Trần Quốc Toản | Chính thức |
| 218 | 3 | MTCT | Nguyễn Đăng | Hiền | 9/3 | THCS Hoa Lư | Chính thức |
| 219 | 4 | MTCT | Dương Hoàng | Huy | 9.2 | THCS Trường Thọ | Chính thức |
| 220 | 5 | MTCT | Nguyễn Phan Minh | Ngọc | 9T2 | THCS Hoa Lư | Chính thức |
| 221 | 6 | MTCT | Vũ Gia | Triết | 9A11 | THCS Bình Chiểu | Chính thức |
| 222 | 7 | MTCT | Phan Trà | My | 9/2 | THCS Phước Bình | Chính thức |
| 223 | 8 | MTCT | Lê Minh Thiên | Phú | 9/3 | THCS Hoa Lư | Chính thức |
| 224 | 9 | MTCT | Nguyễn Trần Hồng | Phúc | 9.2 | THCS Trường Thọ | Chính thức |
| 225 | 10 | MTCT | Trịnh Việt Tùng | Anh | 9/2 | THCS Phước Bình | Chính thức |
| 226 | 11 | MTCT | Mai Hữu | Bách | 9/2 | THCS Phước Bình | Chính thức |
| 227 | 12 | MTCT | Nguyễn Đắc | Huy | 9/7 | THCS Phước Bình | Chính thức |
| 228 | 13 | MTCT | Phan Tuấn | Anh | 9A3 | THCS Lương Định Của | Chính thức |
| 229 | 14 | MTCT | Trần Anh Phúc | Khang | 9A12 | THCS Bình Chiểu | Chính thức |
| 230 | 15 | MTCT | Đặng Đức | Huy | 9A1 | THCS Trần Quốc Toản | Chính thức |
| 231 | 16 | MTCT | Nguyễn Lê Nhật | Khoa | 9/7 | THCS Phước Bình | Dự bị |
| 232 | 17 | MTCT | Phạm Minh | Châu | 9/7 | THCS Phước Bình | Dự bị |
| 233 | 18 | MTCT | Lê Đỗ Minh | Khang | 9A4 | THCS Lương Định Của | Dự bị |
| 234 | 19 | MTCT | Hứa Lưu Khôi | Nhi | 9A9 | THCS Trần Quốc Toản | Dự bị |
| 235 | 20 | MTCT | Nguyễn Hà | Linh | 9A3 | THCS Hoa Lư | Dự bị |

** Ghi chú: Đối với bộ môn Khoa học tự nhiên (KHTN), học sinh sẽ tham dự Kỳ thi cấp Thành phố Hồ Chí Minh nếu có thông báo chính thức của Sở Giáo dục và Đào tạo.*

Tổng cộng danh sách có 235 học sinh./.

PHÒNG GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO